TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2019/DS-ST
Ngày: 18 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Điệp;

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 11 năm 2019 và ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59 ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Kim L**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

2. *Bị đơn*: Anh **Lê Thành T**, sinh năm 1991 (Có mặt);

Anh **Lê Trọng N**, sinh năm 1993 (Có mặt);

Anh **Lê Thành Đ**, sinh năm 2005 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp cho anh Lê Thành Đ: Anh **Lê Trọng N**, sinh năm 1993.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh T và anh N là bà Phan Thị Hoàng Anh – Luật sư Văn phòng luật sư Phan Anh, đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai

(Có mặt).

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

(Anh T ủy quyền cho chị Phạm Thị Kim L theo Giấy ủy quyền chứng thực số 6181, Quyển số 05 SCT/CK.ĐC ngày 24/10/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và đơn khởi kiện (sửa đổi bổ sung) ngày 08/7/2019, bản tự khai, các biên bản làm việc, biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày:**

Chị và bà Nguyễn Thị M (đã mất năm 2017) là hai chị em họ. Anh T, anh N và anh Đ là con ruột của bà M gọi chị là chị hai.

Chị Phạm Thị Kim L có cho anh T vay nhiều lần, đến ngày 18/7/2016 thì tổng kết nợ anh T vay của chị là 680.000.000 đồng, anh T viết giấy tay thừa nhận vay tiền của chị L có bà Nguyễn Thị M (Mẹ ruột anh T) ký tên ở phía dưới là người làm chứng. Chị đã giao đủ số tiền 680.000.000 đồng cho anh T. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Từ lúc cho anh T vay, anh T chưa trả tiền gốc lãi cho chị.

Ngày 15/4/2017 bà M chết, khoảng 03 tháng sau (tức tháng 7/2017) chị liên hệ anh T yêu cầu trả nợ thì anh T hứa tháng 8/2017 sẽ bán nhà của bà M để trả nợ cho chị. Nhưng từ khi vay tiền đến nay anh T không trả cho chị bất cứ khoản tiền nào. Tiền chị cho anh T vay là tiền chị mượn nợ bên ngoài chứ không phải tiền của chị nên hàng tháng chị luôn phải đóng lãi cho chủ nợ. Khi chị cho anh T vay tiền có sự có mặt của bà M nên chị yêu cầu bà M và anh T cùng trả nợ cho chị. Do bà M đã mất ngày 15/4/2017 nên chị yêu cầu anh T và các em của anh T là Lê Trọng N, Lê Thành Đ cùng chung nghĩa vụ trả nợ cho chị. Cụ thể: chị yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Thành T, anh Lê Trọng N và anh Lê Thành Đ phải chung nghĩa vụ trả cho chị số tiền 1.050.000.000 đồng, trong đó 680.000.000 đồng tiền nợ gốc và 357.000.000 đồng tiền nợ lãi.

Qua quá trình làm việc tại Tòa án chị L xác định anh T là người vay chị số tiền 680.000.000 đồng và có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị M chứ không phải bà M và anh T cùng vay chị số tiền trên, chị đã giao đủ số tiền 680.000.000 đồng cho anh T nên chị chỉ yêu cầu một mình anh T (không yêu cầu ai khác, kể cả vợ anh T là chị Nguyễn Thị Kim T) phải trả cho chị tổng cộng 1.050.000.000 đồng, trong đó: 680.000.000 đồng tiền nợ gốc và 357.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh N và Đ. Đối với tiền lãi chị L yêu cầu anh T phải trả trong tháng 8/2017 nhưng anh T không trả nợ nên chị L yêu

cầu Tòa án buộc anh T trả lãi cho chị tính từ ngày 01/9/2017 đến nay theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định.

*** Theo bản tự khai ngày 19/7/2019, các biên bản làm việc, biên bản đối chất tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Thành T trình bày:**

Anh và chị L có quan hệ anh em họ với nhau, mẹ của chị L và mẹ của anh là chị em ruột.

Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị M (đã mất năm 2017) và ba Lê Hồng P (đã mất năm 2016). Ba mẹ anh có 03 người con tên: Lê Thành T, Lê Trọng N và Lê Thành Đ. Anh có vay tiền của chị L nhiều lần, đến ngày 18/7/2016 thì anh T viết giấy nhận vay tiền thừa nhận có nợ của chị L số tiền 680.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ hai bên không thỏa thuận. Lãi suất các bên thỏa thuận bằng lời nói là 5%/tháng. Anh là người trực tiếp vay tiền của chị L, chị L giao số tiền 680.000.000 đồng cho anh. Khi giao tiền chị L tới nhà anh giao tiền nên có sự chứng kiến của mẹ anh bà Nguyễn Thị M. Anh là người viết tờ giấy vay tiền với chị L ngày 18/7/2016 và ký tên Lê Thành T phía dưới, mẹ anh chứng kiến sự việc vay trên nên có ký tên Nguyễn Thị M ở phía dưới tờ giấy vay tiền. Anh xác định anh là người vay số tiền 680.000.000 đồng của chị L chứ không phải mẹ anh bà M cùng vay tiền với anh. Chị L đã giao đủ số tiền 680.000.000 đồng cho anh và anh có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà M cho chị L giữ vào năm 2016 sau đó chị L trả lại cho bà M để bà M ra Ngân hàng H ở H vay số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi vay số tiền 500.000.000 đồng bà M đã trả cho chị L thay cho anh vì anh bỏ đi khỏi địa phương không ở nhà, anh không có giấy tờ gì để chứng minh bà M đã trả cho chị L số tiền 500.000.000 đồng vì anh chỉ nghe bà M kể lại sự việc đã trả tiền cho chị L và gọi anh về nhà ở. Anh vay tiền của chị L để cho người ta vay lại lấy lãi nhưng bị người ta giựt nợ nên mới không có tiền để trả cho chị L.

Nay chị L yêu cầu anh trả cho chị L số tiền nợ gốc là 680.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 01/9/2017 đến nay thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng vì mẹ anh bà M đã trả cho chị L 500.000.000 đồng thay anh.

Việc trả số tiền 500.000.000 đồng giữa mẹ anh bà M và chị L có bà Nguyễn Thị T và bà Huỳnh Thị T làm chứng, ngoài ra anh không có chứng cứ gì chứng minh.

Chị L không yêu cầu anh Lê Trọng N và anh Lê Thành Đ (là con của bà M) có trách nhiệm cùng chung nghĩa vụ trả nợ cho chị L thì anh đồng ý, không có ý kiến gì.

Toàn bộ số tiền trên là anh vay trong thời kỳ hôn nhân với chị T, tuy nhiên anh tự ý vay tiền với chị L mà vợ anh chị T không biết, anh xác định số nợ trên là nợ riêng của anh, không phải là nợ chung của vợ chồng nên anh một mình trả nợ cho chị L. Chị T không liên quan gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T thừa nhận sau khi bà M chết (tháng 4/2017) thì khoảng tháng 7/2017 chị L có yêu cầu anh trả nợ, anh hứa tháng 8/2017 sẽ

bán nhà bà M để trả nợ cho chị L nhưng anh không thực hiện. Đồng thời anh T thay đổi ý kiến là đồng ý trả cho chị L tổng số tiền nợ gốc 680.000.000 đồng, nhưng anh không đồng ý trả tiền lãi suất cho chị L.

*** Theo bản tự khai ngày 19/7/2019, các biên bản làm việc, biên bản đối chất tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Trọng N, anh Lê Thành Đ (anh N là người giám hộ cho anh Đ) trình bày:**

Anh N là con ruột của bà Nguyễn Thị M (đã mất năm 2017) và ba Lê Hồng P (đã mất năm 2016). Ba mẹ anh có 03 người con tên Lê Thành T, Lê Trọng N và Lê Thành Đ đúng như anh T trình bày.

Sự việc anh Lê Thành T vay chị L số tiền 680.000.000 đồng thì anh không biết. Nhưng khi mẹ anh bà M còn sống thì ngày 23/8/2016 anh có chở mẹ anh tới ngân hàng H ở H để làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay số tiền 500.000.000 đồng, anh có hỏi mẹ anh vay tiền để làm gì thì mẹ anh trả lời vay tiền để trả nợ cho chị L thay cho anh T, anh không chứng kiến sự việc mẹ anh giao số tiền 500.000.000 đồng cho chị L nhưng anh xác định mẹ anh đã trả cho chị L 500.000.000 đồng.

Việc chị L chỉ yêu cầu một mình anh T trả nợ cho chị L mà không yêu cầu anh và anh Lê Thành Đ trả nợ cho chị L thì anh đồng ý, không có ý kiến gì.

*** Tại bản tự khai ngày 24/10/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Tấn T trình bày:**

Việc vợ anh là chị Phạm Thị Kim L có cho anh Lê Thành T mượn số tiền 680.000.000 đồng thì anh không biết nên anh để chị L và anh T tự giải quyết với nhau, anh không tranh chấp gì.

Do không liên quan nên anh xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án. Anh không thắc mắc gì.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh T và anh N là bà Phan Thị Hoàng Anh – Luật sư Văn phòng luật sư Phan Anh, đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T có trách nhiệm trả cho chị L số tiền gốc là 680.000.000đ. Đối với tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi suất từ lúc chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về trình tự thủ tục, thẩm quyền Tòa án thụ lý, thời hạn giải quyết vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" phù hợp quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L buộc anh T phải trả số tiền gốc 680.000.000đ, riêng về tiền lãi suất do không có chứng cứ nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng từ năm 2017 cho đến nay

mà chấp nhận tính lãi suất như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L nộp đơn khởi kiện bị đơn anh Lê Thành T, Lê Trọng N, Lê Thành Đ đang sinh sống tại ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là Khu phố P, Thị trấn H. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Lê Thành T phải trả số tiền nợ gốc vay là 680.000.000đ và tiền lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L về việc yêu cầu anh Lê Thành T, anh Lê Trọng N và anh Lê Thành Đ trả số tiền nợ gốc 680.000.000đ.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Kim L rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Trọng N và anh Lê Thành Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị L.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thành T xác định hiện nay còn nợ của chị Phạm Thị Kim L số tiền gốc là 680.000.000đ và đồng ý trả cho chị L số tiền 680.000.000đ nêu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim L, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thành T có trách nhiệm trả lại tiền vốn gốc vay 680.000.000đ là phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do chị L chỉ yêu cầu một mình anh Lê Thành T phải trả tiền vay và liền lãi suất cho chị L, không yêu cầu ai khác phải trả nợ cho chị L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L về việc yêu cầu anh Lê Thành T về số tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/9/2017 đến nay.

Chị L khai khi vay tiền hai bên thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất là 5%/tháng. Anh T cũng xác định khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Do đó, xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và anh T là có thỏa thuận về lãi. Hợp đồng vay giữa các bên không xác định thời hạn trả nợ, nhưng tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tháng 7/2017 chị L yêu cầu anh T trả nợ cho chị vào tháng 8/2017 nhưng anh T chỉ hứa mà không thực hiện. Do đó, có đủ cơ sở xác định chị L đã thông báo yêu cầu anh T trả nợ vay nhưng anh T không thực hiện nên chị L yêu cầu anh T trả lãi suất theo lãi suất cơ bản do

Ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/9/2017 đến nay là có căn cứ. Lãi suất được tính như sau: 680.000.000đ x 0,75%/tháng x 26 tháng 18 ngày = 135.660.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi của chị L, buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi với số tiền 135.660.000 đồng là phù hợp với Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.469.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và anh N là chỉ phù hợp một phần với nhận định nên được chấp nhận một phần.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là chỉ phù hợp một phần với nhận định nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 217, 220, 264, 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L đối với bị đơn anh Lê Thành T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim L đối với bị đơn anh Lê Trọng N và anh Lê Thành Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Lê Thành T có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Kim L tổng số tiền là 815.660.000 đồng (Tám trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 680.000.000đ, tiền lãi là 135.660.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Lê Thành T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.469.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Phạm Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.750.000đ (Hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000890 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA N;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hữu Chí